

Số:134/2020/QĐST-HNGĐ

Phổ Yên, ngày 27 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:125/2020/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Xóm 7, xã PP, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Xóm 7, xã PT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phổ Yên - Nam Thái Nguyên – Phòng giao dịch PT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thọ L – Chức vụ Giám đốc phòng giao dịch Phúc thuận.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn Q đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung Trần Văn Quý, sinh năm 1985 và Trần Hồng Quyên sinh năm 1992. Nay các con đã trưởng thành các cháu muốn ở với ai là tùy các cháu. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn Q thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận cho ông bà như sau:

Về đất ở: Giao cho bà Nguyễn Thị Vân A được quyền sử dụng thửa đất 1029a, tờ bản đồ số 12(39) diện tích 400 m² mục đích sử dụng đất ở nông thôn vị trí thửa đất tại xóm 7, xã PT, thị xã Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên. Có tứ cận như sau: Phía Đông Bắc giáp phần đất của gia đình bà Vân A chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Phía Tây Bắc giáp đường giao thông; Phía Tây Nam giáp đường tỉnh lộ 261; Phía Đông Nam giáp gia đình bà NH (đất thổ cư) và 135 m² là phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liền với đất thổ cư có tứ cận như sau: Phía Đông Bắc giáp gia đình bà NH (đất trồng cây lâu năm); phía Tây Bắc giáp đường giao thông; Phía Tây Nam giáp phần đất thổ cư của bà Vân Anh; phía Đông Nam giáp gia đình bà NH (đất thổ cư). (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Bà Vân A có trách nhiệm làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp bổ sung diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trích đo của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phổ Yên ngày 09/7/2020.

Về tài sản trên đất: Giao cho bà Nguyễn Thị Vân A được quyền sử, dụng sở hữu toàn bộ công trình trên đất 1029a, tờ bản đồ số 12(39) gồm: 01 nhà chính hai tầng diện tích 90m², mái bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ dày 220; 01 quán bán hàng kết cấu khung thép, mái lợp tôn, diện tích 58,22 m²; 01 nhà ở một tầng tường xây gạch chỉ dày 220, mái bê tông cốt thép; 01 mái hiên + kho phía trước nhà và bên cạnh của nhà một tầng, diện tích 43,2 m²; 07 cây sấu; 06 cây nhãn; 10 cây bưởi; 03 cây ổi; 02 cây mít; 01 cây vũ sữa; 02 cây xoài.

Bà Nguyễn Thị Vân A có trách nhiệm trích cho ông Trần Văn Q 1.150.000.000đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) là trị giá phần tài sản chung của vợ chồng.

Thời hạn bà Nguyễn Thị Vân A trả số tiền (một tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng cho ông Quế là ngày 27/7/2020 (dương lịch).

Ông Trần Văn Quế được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ số tiền 1.150.000.000đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Vân

Anh trích chia. Ông Trần Văn Quế đã nhận đủ số tiền 1.150.000.000đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) tiền bà Nguyễn Thị Vân Anh trích chia trị giá tài sản chung của vợ chồng cho ông Trần Văn Q vào ngày 27/7/2020 (ương lịch).

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Vân A, ông Trần Văn Q thống nhất thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị Vân A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phổ Yên - Nam Thái Nguyên – Phòng giao dịch PT số tiền nợ gốc còn lại là 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1411592918 ngày 12/05/2014.

2.5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Trần Văn Q thống nhất thỏa thuận bà Nguyễn Thị Vân A chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004756 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Vân A 4.850.000đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã PT;
- Ngân hàng NNPTNT- Chi nhánh thị xã Phổ Yên - Phòng giao dịch PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy